

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Yên Thành I, xã Đăk Nuê, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăk Nuê, huyện Lăk vào năm 2014; trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống dẫn đến ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, chị Lê Thị Tr xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Phương Nh, sinh ngày 08/10/2014, nguyện vọng của chị Lê Thị Tr là được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Lê Phương Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Trinh. Về hôn nhân: Tuyên chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Xuân T ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Phương Nh, sinh ngày 08/10/2014, cho chị Lê Thị Tr nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung vì vậy Tòa án xác định vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Nuê, huyện Lắk vào năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2019 chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Xuân T đã ly thân và chị Lê Thị Tr chuyển về TP.Hồ Chí Minh sinh sống đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lê Thị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Là cháu Nguyễn Lê Phương Nh, sinh ngày 08/10/2014, hiện cháu đang sống cùng chị Lê Thị Tr; nguyện vọng của chị Lê Thị Tr nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Phương Nh là có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tr.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2014 ngày 16 tháng 04 năm 2014, hết hiệu lực kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Phương Nh, sinh ngày 08/10/2014, cho chị Lê Thị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Lê Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000867 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký